

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**
Số: **16 /2022/QĐST-DS**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Yên Định, ngày 31 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 217, Điều 218 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội D thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn DT, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn DT, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1967.

2. Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Thôn DT, xã Đ, Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1975.

4. Anh Trịnh Đình C, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn 3 xã I, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

5. Chị Trịnh Thị G, sinh năm 1988.

6. Anh Trịnh Đình K, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã NH, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

7. Ông Trịnh Đình M, sinh năm 1979.

8. Anh Trịnh Đình N, sinh năm 1986.

9. Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn DT, xã Đ, Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Bà B, bà A, anh C ủy quyền cho bà D làm đại diện.

Chị G, anh K ủy quyền cho anh N làm đại diện.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế và suất thừa kế:

Các đương sự thống nhất:

Thửa số 73 tờ bản đồ số 7 tại thôn DT cũ có diện tích thực tế đo được là 411,44m² và 01 ngôi nhà gỗ đã cũ không còn giá trị là di sản thừa kế của ông Trịnh Đình Sâm và bà Lê Thị Cang.

Ông Trịnh Đình Sâm chết năm 2009 và bà Lê Thị Cang chết năm 2021. Thời điểm mở thừa kế là sau khi ông Cang và bà Sâm mất.

Ông Cang và bà Sâm có 7 người con bao gồm: Ông Trịnh Đình Nhung, bà Trịnh Thị D, ông Trịnh Đình M bà Trịnh Thị H, bà Trịnh Thị B, bà Trịnh Thị A và anh Trịnh Đình C.

Ông Trịnh Đình Nhung (Chồng bà T) đã chết năm 2008, chết trước ông Sâm và bà Cang nên các con ông Nhung được thừa kế thế vị gồm: Anh Trịnh Đình N, anh Trịnh Đình K và chị Trịnh Thị P.

Như vậy hàng thừa kế thứ nhất gồm 7 người con ông Sâm và bà Cang. Ông Nhung mất 03 người được hưởng phần di sản thừa kế của ông Nhung gồm anh N, anh K và chị P.

2.2. Về giá trị di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất giá trị di sản thừa kế là 411,44m² diện tích đất ở đã định giá là 1.028.600.000đ. (Một tỷ, không trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng). Riêng ngôi nhà gỗ đã cũ không còn giá trị nên không chia.

2.3. Quan điểm của các đương sự về việc chia thừa kế:

Các đương sự thống nhất về phương thức nội D chia di sản thừa kế như sau: Diện tích 411,44m² đất ở trên không chia theo kỹ phần thừa kế, mà thống nhất

chia làm 02 phần. 01 ngôi nhà gỗ lợp ngói đã cũ không còn giá trị sử dụng nên không tính vào di sản thừa kế để chia.

Phần thứ nhất: Giao cho bà D, bà H, bà A, bà B, ông M, anh C sử dụng thửa đất có các cạnh như sau: Phía Bắc giáp nhà ông Toàn có chiều dài 24,8m; Cạnh phía Nam giáp đất bà T được chia có chiều dài 23,75m; Cạnh phía Đông giáp đường thôn dài 5m; cạnh phía Tây giáp đường thôn dài 5m. Tổng diện tích là 121,4 m² trị giá 303.500.000đ. Bà D, bà H, bà A, bà B và ông M thống nhất thỏa thuận toàn bộ diện tích đất trên tặng cho anh C được quyền sử dụng.

Phần thứ hai: Giao cho anh N, anh K, chị P sử dụng thửa đất có các cạnh như sau: Phía Bắc giáp đất được chia cho anh chị em bà D có chiều dài 23,75m; Cạnh phía Nam giáp đất nhà anh Nguyễn PN Lực có chiều dài 21,55m; Cạnh phía Đông giáp đường thôn dài 13m; cạnh phía Tây giáp đường thôn dài 12,5m. Tổng diện tích là 290,04 m², trị giá 725.100.000đ. Anh N, anh K và chị P thống nhất toàn bộ diện tích đất trên tặng cho bà T được quyền sử dụng.

Phần công trình do bà T xây dựng trên đất được tặng cho bà T thì bà T tiếp tục quản lý, sử dụng.

Phần công trình xây dựng là 01 quán bán hàng phía trước và bán K khu chăn nuôi phía sau trên đất được chia cho bà D, bà H, bà A, bà B, ông M, anh C thì vẫn được sử dụng và không phải hoàn trả tiền lại cho bà T, anh N, chị G và chị P.

Các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.4. Về án phí: Các đương sự thống nhất thỏa thuận chịu án phí như sau: Bà D phải chịu phần án phí giá ngạch tài sản được chia cho bà D, bà H, bà A, bà B, ông M, anh C là 7.587.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 07/3/2022 là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0003402, bà D còn phải nộp 7.287.000đ (*Bảy triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng*)

Bà T phải chịu thay phần án phí giá ngạch tài sản được chia cho anh N, anh K, chị P là 16.502.000đ (*Mười sáu triệu, năm trăm linh hai nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Thắng